

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2024

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Văn Động

- Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh, thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Tô Văn H**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hoà giải được, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị và anh Tô Văn H chung sống với nhau vào năm 2010, không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 tháng, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Sau khi chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau. Từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến đời sống vợ chồng không còn được hạnh phúc.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012. Cháu H1 hiện tại đã có giấy khai sinh và đang sống chung với cha.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà chị Lê Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn H.

- Về con chung: Chị xin nhường quyền nuôi dưỡng cháu Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012 cho anh Tô Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2024 bị đơn anh Tô Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim T chung sống với nhau vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 tháng, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Sau khi chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không thấu hiểu lẫn nhau. Từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến đời sống vợ chồng không còn được hạnh phúc.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012. Cháu H1 hiện tại đã có giấy khai sinh và đang sống chung với anh.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tô Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

- Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Tô Văn H cư trú tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Tô Văn H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía chị T đồng ý xét xử vắng mặt anh H. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Tô Văn H tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ năm 2010, đến thời điểm hiện tại tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị T, anh H là do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng anh, chị bất đồng quan điểm, không thấu hiểu lẫn nhau, từ đó thường xuyên cãi vã, dẫn đến đời sống vợ chồng không được hạnh phúc. Mặt khác, tại phiên tòa chị T xác định hiện tại vợ chồng chị đã không còn tình cảm gì với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh H. Xét hôn nhân giữa chị T, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa chị T, anh H tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim T và anh Tô Văn H.

[4] Về con chung: Hội đồng sơ thẩm xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H có 01 con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012. Cháu H1 hiện tại đã có giấy khai sinh và đang sống chung cha. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh H tham gia giải quyết vụ kiện nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành thủ tục ghi nhận nguyện vọng của cháu H1 theo quy định pháp

luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu H1 để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay các cháu H1 vẫn được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, nếu đột ngột thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý và môi trường sống xung quanh của cháu H1. Hơn nữa phía chị T thống nhất giao các cháu H1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo điều kiện ổn định cho các cháu H1 được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012 cho anh Tô Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 - 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim T và anh Tô Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Tô Gia H1, sinh ngày 29/8/2012 cho anh Tô Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kim T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003870 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Tô Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt